

THIÊN NHIÊN MIỀN TÂY NAM BỘ TRONG TRUYỆN NGẮN SƠN NAM

NGUYỄN VĂN ĐÔNG*

TÓM TẮT

Nhà văn Sơn Nam đã dành cả đời mình để viết về quê hương của ông, các tỉnh xa xôi của vùng châu thổ sông Cửu Long. Đó là nơi sông rạch, kênh đào chằng chịt, xinh đẹp, rất nhiều cá, tôm, rùa... Trên vùng đất màu mỡ phù sa này, Sơn Nam đã phác họa sinh hoạt và cuộc mưu sinh của những người nghèo khó, những người tiên phong đến vùng đất hoang dã để khai hoang và mở mang bờ cõi xa xưa. Họ được xem như những anh hùng và tác phẩm của Sơn Nam như pho sử thi về những chiến công và sự chịu đựng tuyệt vời của họ.

Từ khóa: truyện ngắn Việt Nam hiện đại, nhà văn Sơn Nam, thiên nhiên miền Tây Nam Bộ Việt Nam.

ABSTRACT

Western Nam Bo nature in Son Nam's short stories

Son Nam dedicated all his life to write about his homeland, an remote regions of the Mekong Delta. There are labyrinths of picturesque rivers and canals in abundance of fish, shrimps, tortoises, etc. On this fertile and alluvial land, he made a sketch out of activities and the ways of one's living of poor peasants who were the pioniers coming this wild land to reclaim and expand the boundary of the nation in the old time. They were considered as heroes. Son Nam's work is an epic of their admirable feats and patience.

Key words: modern Vietnam short stories, Son Nam writer, the nature in West Nam Bo.

Viết về Nam Bộ, trước Sơn Nam có nhiều tác giả khác như Trịnh Hoài Đức, Hồ Biểu Chánh, Phi Vân, Vương Hồng Sển, Bình Nguyên Lộc... Đọc những tác phẩm của các tác giả ấy, người đọc cảm nhận được cái đẹp của thiên nhiên và con người vùng đất Nam Bộ hào hiệp, trọng nghĩa tình, chân chất... trên vùng đất mới phương Nam.

Riêng về Sơn Nam, ông đã dành suốt đời mình để viết về miền đất cực Nam của Tổ quốc, cụ thể là miệt Hậu Giang, quê hương của ông. Nặng tình về một vùng đất có những con người nghèo

khổ nhưng chất phác và một thiên nhiên giàu có nhưng cũng đầy khắc nghiệt, trong hơn sáu mươi năm cầm bút, Sơn Nam đã để lại cho chúng ta nhiều tác phẩm, chủ yếu là truyện ngắn và những công trình biên khảo rất có giá trị về văn hóa phương Nam đất Việt. Sơn Nam là nhà văn của buổi đầu mở đất, của những người bị xô dạt từ miền ngoài vào đây, của lưu dân vì nhiều lý do phải bỏ xứ, của những người ưa mạo hiểm muốn tìm tự do nơi xứ lạ.

Thiên nhiên miền Hậu Giang thời mới khai phá là một thiên nhiên hoang sơ, và những lưu dân đi mở cõi đa phần là những người nghèo khổ tha hương, họ

* ThS, Trường Đại học Thủ Dầu Một, Bình Dương

bám đất với bao nỗi nhọc nhằn gian khó, cố gắng bằng tất cả sức người để dựng xây một cuộc sống mới.

1. Sơn Nam viết nhiều về thiên nhiên vùng đất mới chắc không phải để giúp người đọc thưởng ngoạn cảnh đẹp đồng quê mà chính là để người đọc hiểu tâm tình và đời sống dân quê, hiểu vì sao người xưa đã vượt muôn ngàn gian khổ để đến nơi này, chịu đựng bao hiểm nguy khó nhọc mà vẫn bám đất đến cùng, nhằm gây dựng một cơ đồ để lại cho con cháu.

Nếu đặc trưng của địa thế miền Bắc là núi rừng trùng điệp, những đồng bằng nhỏ hẹp ven triền đồi; ở miền Trung là những dãy núi hùng vĩ, đồng bằng nhỏ hẹp và bờ biển trải dài với bãi cát trắng đầy nắng gió, thì ở miền Nam mà nhất là ở Tây Nam Bộ là cảnh sông nước, kênh rạch mênh mông. Phần lớn diện tích ở Nam Bộ là vùng đất thấp có nhiều sông rạch đan xen nhau chằng chịt. Hằng năm, phù sa từ thượng nguồn theo dòng chảy của các con sông lớn đổ về bồi đắp làm cho đất đai phì nhiêu, cây trái tốt tươi. Thiên nhiên miền Tây Nam Bộ trong truyện ngắn Sơn Nam thường đa dạng đầy sắc màu với cảnh trời nước mênh mông... Mỗi câu chuyện trong sáng tác của ông là một bức tranh tả thực về cuộc sống con người và thiên nhiên làng quê Nam Bộ.

Trong những năm đầu của thế kỷ trước, miền Tây còn rất hoang vu, khí hậu khắc nghiệt, giao thông chưa phát triển... nên đất đai mênh mông mà đa phần là vô chủ. Nếu ai chịu khó đổ mồ hôi xuống mảnh đất chưa có dấu chân

người đó, chắc chắn nó sẽ đem lại cuộc sống sung túc cho người ấy:

“Hồi đó đất chung quanh đều hoang, chưa có chủ. Một vài dân nghèo tới đây khai phá thử những khoảng nhỏ, vài chục công một. Đất tốt ít phen, lại gặp những năm nước không lớn quá, mặc dù chuột có phá mà hết mùa, mỗi gia đình còn dư được ba bốn trăm gia. Năm sau, họ khai phá nhiều gấp đôi và người phương khác cũng dần dần tụ lại. Chỉ trong bốn năm thành đất thuộc. Nhà nào cũng thịnh vượng: người đóng ghe, kẻ tậu trâu, người mua đồng cho vợ đeo, người xây lẫm để cất lúa”. (3, tr.73)

Hệ thống sông rạch bủa giăng rộng khắp miền Tây Nam Bộ đã tạo điều kiện thông thương khá thuận lợi cho dân cư khắp nơi, biến vùng này thành một ngôi làng chung. Đây là điểm khác biệt quan trọng về địa lý của miền Tây Nam Bộ so với các miền đất khác của đất nước, nơi mà mỗi ngôi làng được vây bọc bởi những lũy tre như ngoài Bắc hay bị cách ngăn bởi đèo núi như ở miền Trung. Đất miền Tây Nam Bộ màu mỡ, tốt tươi quanh năm do lượng nước và phù sa của sông Cửu Long đem lại:

“Sông Tiền và sông Hậu rất rộng lượng, đôn hậu, ít khi trở chứng, cho rất nhiều, ít khi lấy lại, nước lụt hàng năm không gây tai họa nếu con người biết quy luật. Xử lý khôn khéo, lần hồi ta có lúa, có cá đồng, cá biển, cây củi, vườn cây trái hoa màu, gió sẽ mát, nắng bớt oi bức, mưa bớt lây lội”. (HMSTN, tr.59)

Nước tràn đồng theo chu kỳ rồi rút dần ra biển quả thực là một ân huệ lớn của thiên nhiên ban tặng vùng đất này,

bởi con nước giúp rửa phèn chua và để lại phù sa màu mỡ trên đất. Đất đai màu mỡ, phì nhiêu, người dân lại cần cù nên chẳng bao lâu hình thành nên những xóm làng giàu có:

“Thời Pháp thuộc làng Bình An, tỉnh Rạch Giá được nổi danh là sung túc. Ruộng đất quá phì nhiêu, chẳng cần bón phân, mỗi công đất thu hoạch hơn 20 giạ. Qua tháng Mười một, mãi mùa gặt, dân chúng còn hưởng thêm mùa dưa hấu trồng ngay trên ruộng. Nếu trúng mùa dưa thì rõ ràng là vốn một lời mười. Họ tha hồ ăn xài suốt tháng Giêng cò bạc, đờn ca vọng cổ lai rai đến lúc tháng Ba, sa mưa”. (HRCM3, tr.7)

Ngoài đất đai là một quà tặng vô giá của thiên nhiên, lại sẵn có trong thiên nhiên rất nhiều sản vật mà người dân có thể thụ hưởng mà không cần gieo trồng, chăm sóc. Chẳng hạn như lúa trời, đúng là một loại lúa trời cho, người dân không cần gieo cấy, đến mùa chỉ cần gặt lấy đem về:

“Một độc đáo khác thường được thấy ở Đồng Tháp là những nơi có loại “lúa trời”. Đây là những vùng đất thấp, thường ngập nước, có loại lúa mọc từ lòng đất vươn cao lên khỏi mặt nước, giống như loại lúa nổi. Dân nghèo dùng xuống nhỏ, thấp, len lõi vô các bưng có lúa trời, dùng thanh tre dài lùa đập các cộng lúa để hạt lúa rụng rớt vô xuống. Đi đập một lúa trời cũng là một nguồn sinh sống cho dân cư cùng khổ, không đất canh tác”. (3, tr. 27)

Có câu nói mà ở miền Tây Nam Bộ hình như ai cũng biết: *“Ở đâu có nước thì ở đó có cá”*. Quả vậy, trên mọi con sông,

suối, kênh, rạch, mương, ao, đầm, vũng, ... ở nơi đây dường như chỗ nào cũng có cá, không nhiều thì ít. Không có cá, thì cũng là rùa, lươn, ếch... Tất cả đều là những vật phẩm nuôi sống con người.

Cá sinh sống và phát triển rất nhanh trong môi trường thiên nhiên thuận lợi, không cần phải có sự tác động của con người. Cá và các loài thủy sản nơi đây là nguồn lợi thiên nhiên mà con người không phải nhọc công để tìm kiếm. Vào những năm 40 của thế kỷ trước, nơi đây cá nhiều không thể tưởng tượng được:

“Vùng đồng chua ở rừng U Minh Thượng đầy nhúc cá sặt rằn, bởi có ấy. Đến mùa mưa cá sanh sôi nảy nở, cá con trở thành cá lớn. Bắt đầu mùa nắng, bao nhiêu ao vũng, sông rạch nhỏ... đều cạn. Đến mức nào đó, nhìn xuống nước, chúng ta chỉ nhìn thấy một thứ bùn sền sệt, đục ngầu trộn lộn với cá sống”. (HQ, tr.40)

Sông nước là mạng lưới giao thông thuận lợi, đồng thời còn là nguồn cung cấp thực phẩm vô tận cho con người. Nếu như các tộc người bản địa có khuynh hướng tìm thức ăn từ rừng, thì với người Việt, lại từ sông nước:

“Nhờ ăn nhiều cá mà ở Hậu Giang, xưa kia các bậc tiền nhân vui vẻ đóng vai trò người hùng khai hoang. Đang khi bệnh rét hoành hành, các cụ hiên ngang cầm cày xách phan ra ruộng, dầm mưa, rồi về nhà, các cụ ăn liên tiếp năm sáu con cá lóc nướng, uống rượu”. (TLAT, tr.78)

Ở đây, người dân có thể lợi dụng đặc điểm của thiên nhiên để hưởng lợi

mà không cần phải tốn nhiều công sức, theo kiểu làm chơi ăn thiệt. Trong truyện *Con cá chết đại*, anh Hai Ty hướng dẫn hai mẹ con Hồng và Huệ cách bắt cá. Mỗi năm một lần nước mặn tràn vào rạch, cá lóc quen với nước ngọt sẽ bị say nước mặn, chết lờ đờ và nổi đầy mặt nước, chỉ việc canh đúng ngày giờ và nơi chốn ấy thì tha hồ vớt lên:

“Vào khoảng tám giờ sáng hôm sau, Hồng và Huệ bơi xuống ra tới chòi của Hai Ty. Khoang xuống đây cá lóc chết đại. Cá nổi trắng mặt nước, hai bên bờ rạch không có nhà cửa, nên mẹ con Hồng độc quyền nguồn lợi ấy. Người ở xóm ngọn chưa hay cá đang chết đại vì nước lớn chưa chảy tới”. (HQ, tr.55)

Vài trăm năm trước, một nguồn lợi khác của miền Hậu Giang là những sân chim và Rạch Giá, Hà Tiên nổi danh là nơi có nhiều sân chim. Đây là của trời đất dành riêng cho những người dân sống nơi này. Người dân đến các sân chim này để bắt chim, nhổ lông bán cho ghe buôn từ Hải Nam đến, họ mua về để làm quạt. Từ vàm đến ngọn sông Cái Lớn, bao nhiêu là sân: sân Cái Nước, sân Thầy Quơn, sân Thứ Nhứt, Kinh Dài, Chắc Băng, Đầm Dơi, Cỏ Cò... Từng vùng rộng chừng mười ngàn thước vuông, tụ tập hàng vạn con chim với đủ mọi giống chim lớn nhỏ cùng nhau tụ về:

“Chỉ thấy chim, cò, trích, cúm nùm, bìm bịp bay lên từng chập, từ mấy đóa sen bạch nở muộn. Gió chướng thổi hiu hiu. Loại rong đuôi chồn già nua tan rã, chìm xuống. Mặt nước lênh bênh mấy củ bông súng tróc gốc nổi lên”. (HQ, tr.81)

Miền Tây Nam Bộ vào những năm đầu của thế kỷ trước còn có một loại động vật phát triển nhanh và nhiều không biết bao nhiêu mà kể: con rùa – một nguồn thực phẩm thiên nhiên đặc biệt cho người dân nơi đây. Rùa nhiều quá, ăn không hết, người dân đi khai hoang nghĩ đến cách nuôi rùa trong nhà, phòng khi khó kiếm thức ăn:

“Trong chòi, chú Bảy đã xây cái hồ to lớn, chứa chấp bao nhiêu là rùa. Đôi ba trăm con rùa đủ cỡ, đủ loại, đang cõi đè lên nhau, chen lấn nghe lộp cộp. Con thì ngả ngửa, khoe cái yếm vàng lờm, bốn cẳng ngoe nguẩy bơi trong không khí. Con khác cố gắng quào vào vách hồ bằng sậy, lú cổ dài nhằng, miệng há rộng, thiếu răng giống như mỏ chim.” (HRCM 2, tr.69)

Ngoài cá là nguồn lợi chính, người dân còn biết tìm trong thiên nhiên những nguồn thức ăn có rất nhiều ở khắp nơi như rắn, lươn...:

“Hết mùa cá đại, anh xoay qua bắt trăn bắt rắn. Toàn là những món của trời, không vốn liếng”. (BCMT, tr.50)

2. Nam Bộ là vùng đất mới, nhiều thế kỷ chưa khai phá, nên thiên nhiên còn nhiều khắc nghiệt. Nhiều thế hệ lưu dân nối tiếp nhau tìm đến Nam Bộ khai khẩn rừng hoang, cải tạo các vùng sinh lầy để có đất trồng trọt. Trên vùng đất hoang sơ, rừng thiêng nước độc, hùm beo, rắn rết đầy rẫy, một vùng đất vừa khơi dậy một tiềm năng khai thác dồi dào, vừa thách thức nghiệt ngã những con người phải tìm kế mưu sinh.

Đặc biệt, ở thời điểm khai phá, người Nam Bộ gần như ở bước khởi đầu

của một xứ sở nguyên thủy, bao quanh là hiểm nguy, lạ lẫm trước thú dữ, dịch bệnh, thiên nhiên hoàn toàn hoang vu, chưa hề có dấu chân người đứng như Châu Đạt Quan, một sứ thần của Trung Hoa, khi đi qua Nam Bộ, đã viết trong tác phẩm *Chân Lạp phong thổ kí*:

“Bắt đầu vào Châu Bò gần hết cả vùng đều là bụi rậm của rừng thấp, những cửa rộng của con sông lớn chảy dài hàng trăm dặm với bóng mát um tùm của những cây mây dài, khắp nơi vang tiếng chim hót và thú kêu. Vào nửa đường trong sông, thấy những cánh đồng hoang không có một gốc cây. Xa hút nửa tầm mắt chỉ thấy toàn cỏ cây đầy rẫy.” (7, tr.80)

Thiên nhiên miền Tây Nam Bộ chia ra hai vùng khác nhau. Bên này sông Tiền thì tốt tươi, vùng đất hoang đã thay đổi nhờ công sức của những người đi trước; còn miệt Hậu Giang phát triển sau hàng trăm năm nên đến những năm đầu của thế kỷ XX vẫn còn gian khổ, phần lớn truyện ngắn của Sơn Nam viết về vùng đất này:

“So với cả nước, đồng bằng sông Cửu Long là đất mới. Đã mới nên mang nhiều nét khác nhau, khó khái quát chung. Khác nhau vì nơi này thiên nhiên ưu đãi, giao thông thuận lợi, nơi khác thì khắc nghiệt, không ai canh tác vì đất phèn, khó liên lạc với làng lân cận.” (ĐBSCL, tr.209)

Miền Hậu Giang là vùng đất hoàn toàn mới, chỉ có những người dân cùng khổ mới dám mạo hiểm rời bỏ vùng bên này sông Tiền phiêu lưu sang miệt Hậu Giang để tìm nguồn sống mới:

“Phía hạ lưu, phần lớn diện tích bùn lầy, ẩm thấp. Khí hậu khắc nghiệt. Đất úng lầy hồi tạo thêm phèn. Muối mòng nhiều, lãng quãng và lá cây mục đầy đầy, tôm cá sinh sôi, cá lớn nuốt cá bé, chim chóc và rắn ăn cá.” (ĐBSCL, tr.15)

Nhìn những cánh đồng lúa tốt tươi, những khu vườn cây xanh mát như hôm nay, ít người có thể tưởng tượng được rằng những người khai phá buổi đầu đã phải vất vả như thế nào với những cánh đồng còn hoang vu, không có dấu chân người:

“Thứ đất khô không ra khô, ướt không ra ướt, tràm mọc vài cụm xơ rơ... Biết chừng nào mới làm ruộng được. Cỏ mọc cao hơn đầu người.” (HRCM2, tr.157)

Đất đai ở miền Tây Nam Bộ mênh mông, nhưng vì là vùng đất bỏ hoang hàng thế kỷ nên khí hậu vô cùng khắc nghiệt:

“Đất đai rộng mà khí nóng ẩm; chỗ cao ráo thì khí nóng nực thường phát tiết, chỗ bùn lầy thì khí ẩm thấp thường bốc hun, cho nên nhiều người mắc bệnh phong thấp.” (NVMN, tr.243)

Đất đai thì đã vậy, khi trồng trọt lại còn bị nhiều loại thú rừng thi nhau phá hoại, thu hoạch xong, người nông dân không còn hưởng được bao nhiêu:

“Làm ruộng trên diện tích nhỏ - đôi ba héc-ta một gia đình - gọi là “móc lôm” là chuyện cầu may, có thể năm đầu chuột bọ, chim chóc chưa hay biết nên để yên, nhưng đến năm sau thì mùa màng mất sạch trong một hai đêm (nếu chuột bầy kéo tới) hoặc trong hai ba buổi sáng

khi loài chim lá rụng bay ào ạt đến, đen trời, bay lên đáp xuống, lúc nắng chưa lên. Lại còn từng bầy heo rừng ủi phá, hàng trăm con khỉ kéo tới tuốt lúa hạt, phá chớ không ăn.” (ĐBSCL, tr.33)

Mùa nước nổi lại là nỗi kinh hoàng cho người dân nơi đây. Nước sông Hậu tràn vào trên “*cánh đồng hoang vu, chạy dài tới chân trời, lai láng như biển cả, rộng hàng năm sáu chục cây số nối liền bờ sông Hậu ra vịnh Xiêm La*”. Phía khu tứ giác Long Xuyên bao la trời biển, hoang vắng, sóng bủa từng lượn dài. Sóng là sự khổ sở, chết cũng không được yên thân. Nhà ngập nước, chẳng may có người chết thì bó chiếu mà chôn, dầm thêm cái cối đá cho xác đừng nổi lên. Hoặc đóng bốn cây cọc như chữ X, gọi là giá treo để treo xác người chết nhô lên mặt nước, điều quạ kêu inh ỏi, lượn lên đáp xuống, trông càng thảm thương.

3. Những người Nam Bộ của rừng U Minh không những phải đối đầu với cảnh rừng thiêng nước độc, nỗi lo âu sinh kế, mà họ còn phải đối đầu với hiểm nguy luôn luôn rình rập, sẵn sàng cướp đi mạng sống của họ, đó là thú dữ. Vùng đất hoang vu là môi trường lý tưởng cho thú dữ như: cạp, sáu... trú ngụ. Cuộc sống của con người ở đây chủ yếu dựa vào nguồn lợi của rừng và sông, nhưng lên rừng thì đầy cạp, xuống sông thì sáu nằm chi chít.

Không như ở miền Đông Nam Bộ, cạp miền Tây Nam Bộ sống giữa sinh lầy nước mặn, trong bãi bùn nước lợ hay ở gò đất trồng gừa, kê. Nổi tiếng là cạp U Minh, cạp Gò Quao... Cạp là nỗi ám ảnh

người dân đến độ nghe tới tên cạp là hoảng hốt:

“Lần đó, cạp tới sân tôi chạy vòng quanh tìm cách vô nhà. Đưa con tôi ở một mình. Nghe tiếng động đây nó chạy ra sát hàng rào. Cạp ta không phương thế nào vào trong được nên day lại, thò đuôi vô kẽ hàng rào.” (HRCM2, tr.193)

Ở Rạch Giá, Cà Mau có nhiều con rạch, ngã ba, mang tên Đầm Sáu, Lưng Sáu, Bàu Sáu, hồi xưa lúc còn là đất hoang, đó là nơi sáu lội nhiều, ẩn chứa nhiều hiểm nguy giống những địa danh phá Tam Giang, trũng nhà Hồ... ngoài miền Trung.

Cá sáu là nỗi kinh hoàng cho lưu dân người Việt thời khẩn hoang, chúng có thể cướp đi mạng sống của con người, hiểm nguy này thoát ần, thoát hiện, rất khó đề phòng:

“Dân làng xúm nhau lên rừng để nhìn tận nơi. Cái ao lớn ước một công đất, bên bờ, dưới nước, toàn là lau sậy, dây cóc kèn. Sáu nổi lên, chen vào bức tranh màu xanh ấy những vệt đen chi chít: con thì nằm dài như chiếc xuồng lườn, con thì dùng hai chân trước mà vạch sậy, ngóng mỏ xéo lên trời như họng súng thần công đại bác. Biết có loài người đến quan sát, chúng vẫn điềm nhiên sượt nắng, bắt cá.” (HRCM1, tr.222)

Cá sáu nhiều đến nỗi có người ví như là trái mù u trong rừng. Có những con sáu có lẽ sống cả trăm năm là hình ảnh của những con sáu thần, sáu lửa:

“Và trước mũi của chiếc xuồng quái dị nọ, hai tia sáng xanh ngời rọi tới như hai cái đèn “bin”. Nghi ngờ gì nữa!

Nó là con sấu lửa mà chú Tư thường nghe mấy người đống đáy nói lại. Hồi đó, chú Tư không tin. Bây giờ chú đã thấy tận mắt con sấu thần đó". (HRCM1, tr.246)

Không những vậy, có những con sấu hung dữ và nguy hiểm như một loài quái vật, gây bao nỗi kinh hoàng cho người dân:

"Đúng như lời tiên đoán, những năm sau đến mùa nước nổi là con sấu năm chân lại xuất hiện lên nhận chìm bao nhiêu xuồng ghe ăn thịt người". (HQ, tr.432)

Ở Cà Mau có con rạch tên Rạch Bù Mắt. Bù mắt là một loại muỗi nhỏ, cắn rất ngứa, vài mùng thừa, con bù mắt có thể chui lọt vào. Ở quê, trẻ con thường bị nhiều chứng bệnh về mắt là do loại côn trùng bé tí ti này. Xưa nay, người ta nói muỗi cắn, ở đây "muỗi ăn thịt" cho ta thấy sự kinh hoàng mà loài côn trùng này gây ra cho con người:

"Tôi nói muỗi rùng ăn thịt hai đứa nó rồi. Xứ gì mà muỗi kêu như sáo thổi. Không đau bình rét thì cũng chối nước lớn bụng mà chết...". (HRCM1, tr.113)

Để chống lại muỗi, dân quê chỉ biết cách là chui vô mùng:

"Tư Có bỏ mùng xuống, chun vô tấn ba phía rồi mời:

- *Thầy Hai có vô trong này ngời nói chuyện cho vui. Ở ngoài muỗi cắn. Khỏi như vậy mà muỗi cứ bu lại rút lênh trong thếp đèn dầu cá đó."* (HRCM2, tr.176)

Trong các loại thuộc họ bò sát, đứng đầu về mối đe dọa cho mạng sống con người là rắn. Miền Tây ẩm ướt, sinh

lầy vốn thích hợp với loài vật máu lạnh này nên là giang sơn nổi danh của chúng:

"Rạch Xẻo Ngát nổi danh là nơi nhiều rắn độc, so với những con rạch khác trải song song từ rừng tràm ra bờ biển vịnh Xiêm La. Khi bơi xuống dạo xóm mà bỗng nhiên thấy rắn nó lộ ngang qua rạch, chẳng một ai hốt hoảng hoặc lo sợ, mặc dầu rắn nọ chặn đầu chiếc xuồng". (HRCM2, tr.331)

Người nông dân miền Tây từ lâu nổi danh với nghề bắt rắn. Rắn nhiều, người bị rắn cắn ắt nhiên cũng nhiều và như là quy luật tự nhiên, các thầy thuốc rắn cũng xuất hiện nhiều hơn ở nơi khác. Nhà văn Sơn Nam có nhiều truyện như *Cây Huệ Xà, Con rắn, Ông thầy rắn...* ghi lại hình ảnh của các vị thầy danh tiếng này.

4. Sông rạch có vai trò quan trọng trong đời sống ở Nam Bộ. Ở miền Nam, thiên nhiên phần lớn là có ích cho con người. Mưa thuận gió hòa, đất đai trù phú... là một trong những yếu tố giúp miền Nam phát triển mau lẹ. Sông ngòi Nam Bộ mỗi ngày con nước lên xuống hai lần. Hiểu được quy luật thủy văn của kênh rạch nơi đây, mới thấy đời sống của người dân Nam Bộ gắn bó với sông nước đến dường nào, mới hiểu tại sao nhiều làng mạc, phố xá, thị trấn ngoảnh mặt ra sông, coi mặt sông là mặt tiền, còn đường bộ chỉ đưa vào mặt hậu, vào ngõ sau.

Ai chế ngự được sông nước, đầm lầy thì người đó là chủ nhân của vùng đất mới. Người Việt, vốn là một dân tộc thạo nghề trồng lúa nước tự ngàn xưa và sành sỏi việc di chuyển trên sông rạch, giỏi chịu đựng và sẵn sàng đương đầu chống

trả với thú vật hoang dã đã chứng tỏ được khả năng quý báu đó:

“Cọp sấu trên rừng, cá mập ngoài biển mình không nao núng, lẽ đâu lại ngán sóng gió ở con sông nhỏ này”. (BCMT, tr.258)

Trên vùng đất sông rạch phức tạp, nhiều chướng ngại, người Nam Bộ biết tìm cách lợi dụng địa hình để có thể lưu thông khắp nơi. Trong truyện *Một cuộc biển dâu*, khi người cha bị bệnh nằm hấp hối rồi sau đó tắt thở, thằng bé một mình với cây dầm chèo ghe giữa vùng ruộng sạ mênh mông tìm người giúp đỡ việc chôn cất cha. Để hình dung được hoàn cảnh và khả năng chèo chống của đứa bé, hãy nghe Sơn Nam miêu tả cảnh nước trên đồng ruộng sạ ở miệt Hậu Giang:

“Nước chảy hăng, tràn lan từ bờ sông Hậu Giang ra vịnh Xiêm La, chảy mãi về hướng Tây. Nó thác mắc: nước ở đâu mà nhiều quá, ngập đồng ruộng, sâu cỡ hai thước, mênh mông không bờ bến như biển khơi.” (HRCM1, tr.145)

Phương tiện vận chuyển duy nhất là tàu thuyền hoặc bơi xuồng qua những khúc sông sóng gió bất thường, những con rạch nhỏ nước chảy như cắt. Ứng với mỗi khúc quanh trên dòng sông, người chèo xuồng sáng tạo từng kiểu buồm phù hợp với dòng chảy và hướng gió. Sự linh động, biến hóa để thích ứng với đặc điểm riêng của từng vùng sông nước được thể hiện khá rõ ở miền duyên hải cực Nam của Tổ quốc:

“Chiếc tam bản lác nghiêng như trái dừa khô trên mặt nước đầy sóng gió. Anh trạo chèo một chèo, nghiêng mình bên hữu. Rồi bỗng nhiên anh chụp môi

tay một chèo mà chèo trên đất khô bên bờ rạch. Chiếc tam bản lại lướt nhanh trên dòng nước quá hẹp, vừa đủ lọt bề ngang.

Anh trạo mỉm cười:

- Chèo như vậy đi lệ hơn. Mọi lần mùa hạn, nước cạn queo, dưới sông đầy bùn non, tôi cười trâu trên bờ mà kéo. Chiếc tam bản đi như cộ kéo lúa”. (HRCM1, tr.175)

Giỏi chèo chống, người Nam Bộ lại có nhiều sáng kiến, biết lợi dụng những gì có sẵn trong thiên nhiên để lưu thông trên nước được dễ dàng hơn. Các truyện *Ba kiểu chạy buồm*, *Vẹt lục bình*. *Hương rừng*, *Ông Bang cà ròn...* của Sơn Nam cho ta thấy sự thông minh của họ để có thể di chuyển trên sông nước trong những điều kiện tự nhiên khác nhau, theo đúng kiểu “nhập giang tùy khúc”.

Khi gặp nước xuôi mà gió ngược, lão già chèo xuồng nhiều kinh nghiệm chặt một gốc bần ở ven sông, dùng dây cột trước mũi xuồng, cây bần trôi, kéo chiếc xuồng lướt phẳng phẳng, bắt chấp gió thổi mạnh:

“Ngộ quá, như có con trâu nước hoặc con sấu, con thuồng luồng lội tới, kéo xuồng. Gốc bần càng to nhánh nhóc càng nhiều thì xuồng càng đi lệ”. (HRCM3, tr.259)

Đến khi gió thổi xuôi nhưng nước chảy ngược, ông lại chặt một tàu lá dừa nước to, cũng mọc sẵn ven bờ, cắm trước mũi xuồng, có công dụng như một cánh buồm, nhờ sức gió đẩy tới mà kéo xuồng đi. Sự lưu thông dễ dàng đã có những tác động vào dân cư, khuôn đúc nên một nếp sống chung, một nền văn hóa, thương

mai, ngôn ngữ chung cho cả một vùng đất rộng lớn bao la.

Sông nước là chướng ngại đáng sợ nhưng với những ai làm chủ được nó, thì đây lại là một nguồn lợi to lớn giúp cho con người ở nhiều phương diện.

5. Cũng từ sự gắn bó với ghe xuồng, nhiều điệu hò câu hát thành hình như hò chèo ghe, hò mái dãi, mái cụt... tạo nên sắc thái riêng cho nền văn minh sông nước. Truyện ngắn *Con Bầy đưa đò* là một chuyện tình lãng mạn, trong đó khắc họa hình ảnh cuộc đời trên sông nước và âm thanh của tiếng hò câu hát của thời xưa.

Theo nhà văn Sơn Nam: “thương hò” là tiếng để gọi để chỉ những người buôn bán nhỏ trên sông nước, hoàn toàn không mang nghĩa “giang hò”. Qua bao đời nay, các chợ nổi trên sông đã trở thành một vùng sinh hoạt văn hóa rất đặc thù của người dân vùng châu thổ đồng bằng sông Cửu Long.

Chiếc xuồng, chiếc ghe, con đò còn phục vụ cho việc buôn bán rồi kết thành chợ, trao đổi hàng hóa trên sông, hình thành nên các khu chợ nổi hội tụ đủ người tứ xứ đến buôn bán, làm ăn. Từ những người dân bình thường đến những kẻ tứ cố vô thân, rời bỏ quê hương tha phương kiếm sống, với một chiếc ghe đầy hàng hóa, nay ở chỗ này, mai chỗ khác, len lỏi vào những con kênh, con rạch... đem hàng hóa phục vụ tận những xóm làng hẻo lánh, xa xôi nhất. Thường thì các ghe chạt đầy ắp hàng nông phẩm trong khoang xuồng không mui, những xuồng có mui thì cắm cọc cao treo các thứ trái cây, hành tỏi, v.v... để chào hàng.

6. Thiên nhiên Nam Bộ là một tặng vật mà tạo hóa đã ban cho người dân nơi đây. Thiên nhiên ưu đãi con người từ đất đai màu mỡ, phì nhiêu đến mưa thuận gió hòa, rất ít bão lụt, thiên tai... Tuy nhiên, trong quá trình sống, người Nam Bộ nhận thấy rất cần tác động để thiên nhiên có thể giúp con người ngày càng tốt hơn.

Không được trang bị súng ống hiện đại tới tận như thợ săn thời nay, người xưa tất nhiên phải cậy nhiều vào sức lực và kinh nghiệm của chính họ, như nhân vật huyền thoại, ông Năm Hên, chuyên trị loài cá sấu hung dữ nhất:

“Nhanh như chớp, ông Năm Hên nhảy lên lưng sấu mà cỡi... Ông cúi đầu xuống, hai tay cựa quậy... Sấu day mũi xuống nước rồi quẹo lên bãi, trở mình, vật ông. Năm Hên nằm ngửa dưới bãi... Trong phút giây, người và sấu chỉ là một đống đen thui. Khói từ bó đuốc thổi tạt ngang mặt tôi... Gió thổi hù hù. Ông Năm Hên hò hét, làm vang động khu rừng tràm sau hè. Tôi đứng không vững vì dường như mặt đất rung rinh. Bỗng dưng ông Năm Hên đứng dậy, chạy bò càng lên bờ đến bên cạnh tôi rồi quỵ xuống, thở hổn hển:

- *Nó gần chết rồi kìa.*

Dưới bãi bùn lấp lánh ánh trăng, con sấu đen ngòm nằm im”. (HRCM2, tr.140)

Nếu như truyện ngắn *Bắt sấu rừng U Minh Hạ* đượm vẻ huyền bí, ma quái ghê rợn, thì truyện ngắn *Sông Gành Hào* dựng nên một cảnh tượng hùng tráng về hai cha con chú Tư Đức chiến đấu với con sấu dữ. Nhờ gan dạ, liều lĩnh, có sáng kiến độc đáo, hai cha con chú Tư

Đức đã quần thảo với con sấu dữ tợn trên sông và cuối cùng hạ được nó. Việc làm của họ đã khiến ông quan Tây phải thay đổi suy nghĩ và thái độ của mình trước những người nông dân chất phác và có vẻ khờ khạo này:

“Giỏi quá! Chú Tư giỏi quá! Thằng nhỏ gan quá! Nó bị bệnh rét mà còn mạnh quá! Tôi mời hai cha con vô đồn”. (HRCM3, tr.259)

Đối phó với loài cạp dữ, người dân dùng nhiều biện pháp khác nhau. Trong quan niệm của người dân ít được học, họ thường gọi chúng bằng những danh xưng tôn kính nhất với hy vọng được chúng tha cho: ông Năm Chèo (cá sấu trong truyện *Vùng Láng Linh*), con Bà Tám (con rùa khổng lồ có tám cái sọc trên lưng trong truyện *Ngày bỏ tróc*). Hoặc lập miếu thờ cúng: *“Bố trí một đạo quân đánh cạp không xong, dân xóm này mới bày đặt cất miếu thờ cạp”.*

Khi những phương cách ấy không hiệu quả, cạp trở thành mối đe dọa nguy hiểm thì họ buộc phải đương đầu trực diện với chúng. Những con người lao vào chỗ nguy hiểm để đem lại sự bình yên cho dân lành được ngưỡng mộ như những anh hùng huyền thoại trong dân gian. Đó là những người bắt cá sấu, trừ cạp, heo rừng, chữa bệnh rắn cắn... có quá nhiều những người tài giỏi không thể kể hết nhưng ít ai còn lưu lại tên tuổi của mình. Những nhân vật như ông Năm Hên bắt sấu để trừ họa cho dân làng, để cho mọi người được yên ổn làm ăn chứ không phải để mưu cầu danh lợi. Người dân bao giờ cũng đối lại với ân nhân của mình bằng một tình cảm chân thành, giàu

nghĩa khí, một ứng xử đẹp của người nghèo khổ nơi vùng đất tận cùng của Tổ quốc.

Vùng đất bùn lầy hoang vu của miền Nam, nơi mà nhiều tộc người có mặt từ hàng ngàn năm trước bị thiên nhiên làm nản lòng phải lần lượt bỏ ra đi, thì với lưu dân, Nam Bộ lại là vùng đất hứa đầy triển vọng. Họ dám đương đầu với mọi thách thức của thiên nhiên, với quyết tâm chinh phục, chấp nhận hy sinh, từng thế hệ tiếp nối nhau đã âm thầm dệt nên bức tranh xinh đẹp miền Nam hôm nay.

Sơn Nam được xem là một trong những nhà văn hàng đầu ở Nam Bộ, với những tác phẩm mang đậm dấu ấn con người và thiên nhiên miền Tây Nam Bộ thời khẩn hoang, được độc giả nhiều thế hệ yêu mến. Tác phẩm của ông đã chịu được sự thử thách của thời gian qua gần nửa thế kỷ và có lẽ còn sống rất lâu trong lòng người đọc.

Tình yêu quê hương, làng xóm là nỗi ám ảnh trong cuộc đời Sơn Nam, như một món nợ thiêng liêng đối với Tổ quốc mà ông không thể không trả. Trong tác phẩm của Sơn Nam, chúng ta thấy hiện lên những hình ảnh quen thuộc, gần gũi của miền Nam yêu dấu.

Sơn Nam là người lữ hành đi đến cùng trời cuối đất của vùng Tây Nam Bộ, dang rộng tay ôm lấy cái mệnh mông vô tận của miền Hậu Giang, cái thâm u, hoang dã của vùng U Minh Thượng và U Minh Hạ... Thiên nhiên Nam Bộ trong truyện ngắn Sơn Nam đã được viết nên bằng một tình yêu quê hương thiết tha và sâu nặng.

BẢNG CHỮ VIẾT TẮT TÁC PHẨM SƠN NAM

CHỮ VIẾT TẮT	TÁC PHẨM SƠN NAM
NVMN	<i>Nói về miền Nam</i> , Lá Bối, Sài Gòn, 1967.
ĐBSCL	<i>Đồng bằng sông Cửu Long: nét sinh hoạt xưa</i> , Nxb TP Hồ Chí Minh, 1985.
HMSTN	<i>26 truyện ngắn Sơn Nam</i> , Nxb Mũi Cà Mau, 1987.
TLAT	<i>Tục lệ ăn trộm</i> (Tập truyện ngắn), Nxb Kiên Giang, 1988.
HRCM1	<i>Hương rừng Cà Mau</i> , tập I, Nxb Trẻ, TP HCM, 1998.
HRCM2	<i>Hương rừng Cà Mau</i> , tập II, Nxb Trẻ, TP HCM, 1999.
HRCM3	<i>Hương rừng Cà Mau</i> , tập III, Nxb Trẻ, TP HCM, 2000.
BCMT	<i>Biển cỏ miền Tây</i> , Nxb Trẻ, TP HCM, 2003.
HQ	<i>Hương quê</i> , Nxb Trẻ, TP HCM, 2006.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chu Xuân Diên (1999), *Cơ sở Văn hóa Việt Nam*, Nxb ĐH Khoa học Xã hội & Nhân văn, TP HCM.
2. Nguyễn-Ngu-Í (1966), *Sống và viết với...*, Nxb Ngèi xanh, Sài Gòn.
3. Nguyễn Hiến Lê (2002), *Bảy ngày trong Đồng Tháp Mười*, Nxb Văn hoá - Thông tin.
4. Sơn Nam (1994), *Lịch sử khản hoang miền Nam*, Nxb Văn nghệ, TP HCM.
5. Sơn Nam (1998), *Sài Gòn lục tỉnh xưa*, Nxb TP Hồ Chí Minh.
6. Châu Đạt Quan (1973), *Chân Lạp phong thổ ký*, Bản dịch Lê Hương, Sài Gòn.
7. Quốc sử quán triều Nguyễn (2006), *Đại Nam nhất thống chí*, Nxb Thuận Hóa.
8. Trần Hữu Tá (2000), *Nhìn lại một chặng đường văn học*, Nxb TP Hồ Chí Minh.
9. Trần Ngọc Thêm (1997), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb TP Hồ Chí Minh.
10. Trần Ngọc Thêm (1999), *Cơ sở Văn hóa Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
11. Đỗ Lai Thúy (1999), *Từ cái nhìn văn hóa*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
12. Nguyễn Văn Xuân (1969), *Khi những lưu dân trở lại*, Nxb Thời Mới, Sài Gòn.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 13-5-2011; ngày chấp nhận đăng: 06-6-2011)